

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-ST
Ngày 29-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Cần
2. Ông Lò Văn Yêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Kéo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Văn N, tên gọi khác: không, sinh năm 200 tại huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn T (đã chết) và con bà: Kim Thị Th - sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2020 tại xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Lò Văn E - sinh năm 1987; Trú tại: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Xuân T - sinh năm 1988; Trú tại: Khu Bv, thị trấn TU, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

2. Anh Lò Văn H - sinh năm 1994; Trú tại: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

3. Anh Đặng Văn V - sinh năm 1976; Trú tại: Bản N, xã NT, huyện S, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Viết Q - sinh năm 1996; Trú tại: Bản C, xã Th, huyện T, tỉnh

Lai Châu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có xe đi chợ mua thức ăn nên khoảng 18 giờ, ngày 05/3/2020, Lương Văn N sinh năm 2000, trú tại bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu sang nhà anh Lò Văn E sinh năm 1987, trú cùng bản mượn xe mô tô của anh E để đi chợ. E đồng ý cho Nam mượn chiếc xe mô tô BKS 25F4 - 2518 nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn, đỏ - đen. Lúc này xe vẫn cắm chìa khóa nên N đã tự dắt xe rồi nổ máy điều khiển xe đi về hướng bản Phúc Khoa, xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên để mua thức ăn. Khi đi được nửa đường thì N nảy sinh ý định mang chiếc xe đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau đó N dừng xe mở cốp xe kiểm tra thì thấy có giấy đăng ký xe nên N điều khiển xe đến nhà anh Lê Xuân T sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố Bv, thị trấn TU, huyện T để cầm cố chiếc xe. Tại nhà của anh T, N đã đưa giấy tờ xe và bảo với anh T chiếc xe trên là của N nên anh T đã đồng ý cầm cố chiếc xe cho N với số tiền 3.000.000 đồng. Khi trao đổi để cầm cố xe, giữa anh T và N không thỏa thuận gì với nhau về số tiền lãi và thời gian chuộc xe. Sau khi nhận được tiền cầm cố xe, N mang đi tiêu sài cá nhân hết. Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 06/3/2020, N nhờ Nguyễn Viết Q (là người quen của N) chở đến nhà anh T thỏa thuận thêm về chiếc xe (*Q không biết mục đích đến nhà anh T để làm gì*). Tại nhà anh T, N nói với anh T là muốn lấy chiếc xe cầm hôm trước để mang đi bán lấy tiền trả cho T nhưng anh T không đồng ý. Sau đó, N với anh T thỏa thuận anh T đưa cho N thêm 2.000.000 đồng, nếu trong vòng 10 ngày N không lấy lại xe thì coi như bán xe cho anh T, còn nếu N lấy lại xe thì N trả lãi năm trăm nghìn đồng. Số tiền 2.000.000 đồng N đã nhận và tiêu xài cá nhân hết. Một ngày sau (*N không nhớ ngày cụ thể*), khi anh E gặp N tại chợ Trung tâm thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, anh E hỏi N về chiếc xe thì N nói dối anh E là chiếc xe đã bị Công an giao thông bắt giữ, vài hôm nữa nộp phạt sẽ mang về trả cho anh E. Đến ngày 29/3/2020, không thấy N mang xe về trả nên E sang nhà N tiếp tục hỏi chiếc xe của mình thì N mới thừa nhận là đã mang chiếc xe đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân và không có khả năng lấy lại chiếc xe trả cho E. Ngày 30/3/2020, anh E làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2020 của hội đồng định giá tài sản huyện Tân Uyên, kết luận 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave Alpha, màu sơn đỏ - đen BKS 25F4 - 2518 có trị giá 4.500.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 46/CT - VKS - TU, ngày 11/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên để xét xử Lương Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 175; điểm s, i khoản 1

Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn N mức án tù 09 đến 12 tháng tù và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Lương Văn N phải hoàn trả cho anh Lê Xuân T số tiền 5.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn N đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có tranh luận gì.

Bị hại anh Lò Văn E khai đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu về bồi thường dân sự, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người liên quan anh Lê Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo N hoàn trả số tiền anh T đã bỏ ra cầm cố xe mô tô là 5.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn H khai đã bán chiếc xe mô tô trên cho anh Lò Văn E và không có ý kiến, yêu cầu gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên xét thấy không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 05/3/2020, tại bản Nhà Khoang, xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên, Lương Văn N đã mượn của anh Lò Văn E 01 xe mô tô để đi chợ mua thức ăn. Sau khi mượn được xe thì N nảy sinh ý định cầm cố xe lấy tiền tiêu xài. Khi kiểm tra trong cốp xe có giấy tờ đăng ký xe, N đã đưa xe mô tô cùng đăng ký xe đến nhà anh Lê Xuân T cầm cố xe cho anh T lấy số tiền 3.000.000 đồng, số tiền này N đã tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 18 giờ 00 phút ngày 06/3/2020, N đến nhà anh Nguyễn Viết Q để nhờ Q chở đến nhà anh T thỏa thuận thêm về chiếc xe. Tại nhà anh T,

N và anh T thỏa thuận anh T đưa thêm cho N 2.000.000 đồng, nếu trong vòng 10 ngày N không lấy lại xe thì coi như N đã bán xe cho anh T, còn nếu N lấy lại xe thì sẽ trả lãi số tiền 500.000 đồng. N đã nhận 2.000.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết, quá thời gian thỏa thuận N không đến chuộc xe và cũng không biết chiếc xe đó đang do ai quản lý, sử dụng. Một ngày sau, khi N gặp anh E ở chợ, anh E hỏi N về chiếc xe thì N đã nói dối anh E là chiếc xe đã bị Công an giao thông bắt giữ, N hẹn vài hôm nữa nộp phạt sẽ mang về trả cho E. Ngày 29/3/2020, anh E sang nhà N tiếp tục hỏi chiếc xe của mình thì N mới thừa nhận là đã mang chiếc xe đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân và không có khả năng lấy lại chiếc xe trả cho anh E nên ngày 30/3/2020 anh E đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu để giải quyết theo quy định của pháp luật. Chiếc xe mô tô được định giá là 4.500.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do đó xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, bị hại anh Lò Văn E đã nhận lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, biển kiểm soát 25F4-2518, màu sơn đỏ đen do bị cáo N chiếm đoạt. Tại phiên tòa anh Lò Văn E không yêu cầu về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Văn V khai đã bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, biển kiểm soát 25F4-2518, màu sơn đỏ đen cho anh Lò Văn H và không có ý kiến gì. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn H nhất trí với lời khai anh V và của anh Lò Văn E, anh H đã bán lại chiếc xe mô tô của mình cho anh E, tại phiên tòa anh H không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Lê Xuân T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 5.000.000 đồng, xét thấy anh Lê Xuân T cầm cố chiếc xe mô tô nhưng không biết chiếc xe do bị cáo phạm tội mà có. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579; Điều 580 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lương Văn N hoàn trả cho anh Lê Xuân T số tiền 5.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Các đối tượng, hành vi liên quan đến vụ án:

- Đối với Lê Xuân T là người nhận cầm cố xe máy của N không biết chiếc xe do N phạm tội mà có, quá trình điều tra xác định không có dấu hiệu đồng phạm về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với anh Nguyễn Viết Q là người được N nhờ chở đến nhà anh Lê Xuân T nhưng Q không biết mục đích của N và cũng không được hưởng lợi ích gì từ việc cầm cố xe nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh: Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 175; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lương Văn N 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng Khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lương Văn N.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579; Điều 580 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lương Văn N hoàn trả cho anh Lê Xuân T số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với T hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lương Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- Công an huyện Tân Uyên;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh